LUẬT GIÁO DỤC BÌNH ĐẲNG GIỚI

Ngày sửa đổi: 16/08/2023 (Dân Quốc 112)

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

1. Luật này được ban hành nhằm thúc đẩy bình đẳng thực chất về địa vị giới, xóa bỏ phân biệt đối xử về giới, bảo vệ phẩm giá con người, tăng cường và xây dựng nguồn lực cùng môi trường giáo dục bình đẳng giới.

2. Phạm vi áp dụng đối với các vụ việc quấy rối tình dục trong trường học được xử lý theo Luật này; nếu do quan hệ thân phận giữa các bên mà vụ việc không thuộc phạm vi áp dụng của Luật này, thì tùy từng trường hợp áp dụng Luật Bình đẳng giới trong việc làm hoặc Luật Phòng chống quấy rối tình dục.

Điều 2

1. Cơ quan có thẩm quyền theo Luật này: ở trung ương là Bộ Giáo dục; tại thành phố trực thuộc trung ương là chính quyền thành phố trực thuộc trung ương; tại huyện (thành phố) là chính quyền huyện (thành phố).

2. Đối với các vấn đề quy định trong Luật này khi được thực hiện tại trường quân sự, trường dự bị quân sự, các cấp trường cảnh sát và trường cải huấn thiếu niên, cơ quan chủ quản của các trường đó được xem là cơ quan có thẩm quyền theo Luật này.

3. Khi các vấn đề quy định trong Luật này liên quan đến chức năng của các cơ quan có thẩm quyền theo ngành, các cơ quan đó phải phối hợp thực hiện.

Điều 3

Các thuật ngữ trong Luật này được định nghĩa như sau:

1. Giáo dục bình đẳng giới: là việc thông qua giáo dục để hướng dẫn tôn trọng sự đa dạng về khác biệt giới, xóa bỏ phân biệt đối xử về giới và thúc đẩy bình đẳng thực chất về địa vị giới.

2. Trường học, giáo viên, viên chức, nhân viên và học sinh/sinh viên:

2.1 Trường học: gồm các cấp trường công lập và tư thục, trường quân sự, trường dự bị quân sự, các cấp trường cảnh sát và trường cải huấn thiếu niên.

2.2 Giáo viên: gồm giáo viên cơ hữu, giáo viên kiêm nhiệm, giáo viên hợp đồng thay thế, giáo viên dạy thay, giáo quan, tình nguyện viên hỗ trợ giảng dạy, người thực tập giáo dục thực tế trực tiếp thực hiện giảng dạy, người hướng dẫn thực tập tại cơ sở thực tập và các nhân sự khác thực hiện giảng dạy hoặc nghiên cứu.

2.3 Viên chức, nhân viên: là những người ngoài giáo viên nêu trên, thực hiện công việc trường học thường xuyên hoặc theo thời hạn nhất định, tình nguyện viên hỗ trợ công việc trường học, nhân sự đổi mới công tác sinh viên và các đối tượng khác do cơ quan trung ương có thẩm quyền chỉ định.

2.4 Học sinh/sinh viên: gồm người có học tịch, người đang trong giai đoạn chuyển tiếp hệ đào tạo chưa có học tịch, người tham gia giáo dục thường xuyên mở rộng, sinh viên trao đổi, sinh viên thực tập giáo dục hoặc nghiên cứu sinh/người học nghiên cứu và các đối tượng khác do cơ quan trung ương có thẩm quyền chỉ định.

3. Vụ việc liên quan đến giới trong trường học: là vụ việc mà một bên là hiệu trưởng, giáo viên, viên chức, nhân viên hoặc học sinh/sinh viên của trường, bên kia là học sinh/sinh viên và thuộc một trong các trường hợp sau:

3.1 Xâm hại tình dục: hành vi phạm tội xâm hại tình dục theo Luật Phòng chống tội phạm xâm hại tình dục.

3.2 Quấy rối tình dục: thuộc một trong các trường hợp sau và chưa đến mức xâm hại tình dục:

3.2.1 Dùng lời nói hoặc hành vi rõ ràng hay ám chỉ có liên quan đến tình dục hoặc giới mà người khác không mong muốn, làm ảnh hưởng đến phẩm giá cá nhân, cơ hội hoặc biểu hiện trong học tập hay công việc của người đó.

3.2.2 Dùng hành vi liên quan đến tình dục hoặc giới làm điều kiện để bản thân hoặc người khác được hưởng, mất hoặc bị giảm quyền lợi liên quan đến học tập hay công việc.

3.3 Bắt nạt trên cơ sở giới: dùng ngôn ngữ, hành vi thân thể hoặc hình thức bạo lực khác để hạ thấp, công kích hoặc đe dọa người khác dựa trên đặc điểm giới, đặc tính giới, xu hướng tính dục hoặc bản dạng giới, và không thuộc quấy rối tình dục.

3.4 Hành vi hiệu trưởng hoặc cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm đạo đức nghề nghiệp có liên quan đến tình dục hoặc giới: là việc hiệu trưởng hoặc cán bộ, giáo viên, nhân viên phát triển quan hệ thân mật với học sinh chưa thành niên, hoặc lợi dụng quan hệ quyền lực không cân bằng trong quá trình giảng dạy, hướng dẫn, đào tạo, đánh giá, quản lý, tư vấn học sinh/sinh viên hoặc cung cấp cơ hội làm việc cho học sinh/sinh viên để phát triển quan hệ trong tương tác giữa người với người có liên quan đến tình dục hoặc giới, trái với đạo đức nghề nghiệp.

4. Bản dạng giới: là nhận thức và sự chấp nhận của cá nhân đối với giới mà mình tự xác định.

Điều 4

Cơ quan trung ương có thẩm quyền phải thành lập Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới, có nhiệm vụ:

1. Xây dựng pháp quy, chính sách và kế hoạch thực hiện hằng năm về giáo dục bình đẳng giới trên toàn quốc.

2. Điều phối và tích hợp các nguồn lực liên quan, hỗ trợ và trợ cấp cho cơ quan địa phương có thẩm quyền, trường học và cơ sở giáo dục xã hội thuộc quyền quản lý để triển khai và phát triển giáo dục bình đẳng giới.

3. Giám sát, đánh giá việc thực hiện công tác giáo dục bình đẳng giới của cơ quan địa phương có thẩm quyền, trường học và cơ sở giáo dục xã hội thuộc quyền quản lý.

4. Thúc đẩy nghiên cứu và phát triển chương trình, giảng dạy, đánh giá và các vấn đề liên quan đến giáo dục bình đẳng giới.

5. Lập kế hoạch và tổ chức đào tạo nhân sự giáo dục bình đẳng giới.

6. Cung cấp dịch vụ tư vấn về giáo dục bình đẳng giới, điều tra và xử lý các vụ việc liên quan đến Luật này.

7. Thúc đẩy giáo dục gia đình và giáo dục xã hội về bình đẳng giới trên toàn quốc.

8. Các công việc khác về giáo dục bình đẳng giới trên phạm vi toàn quốc.

Điều 5

1. Cơ quan có thẩm quyền của thành phố trực thuộc trung ương, huyện (thành phố) phải thành lập Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới, có nhiệm vụ:

1.1 Xây dựng pháp quy, chính sách và kế hoạch thực hiện hằng năm về giáo dục bình đẳng giới tại địa phương.

1.2 Điều phối và tích hợp các nguồn lực liên quan, hỗ trợ các trường học và cơ sở giáo dục xã hội thuộc quyền quản lý triển khai và phát triển giáo dục bình đẳng giới.

1.3 Giám sát, đánh giá việc thực hiện công tác giáo dục bình đẳng giới của các trường học và cơ sở giáo dục xã hội thuộc quyền quản lý.

1.4 Thúc đẩy nghiên cứu và phát triển chương trình, giảng dạy, đánh giá và các vấn đề liên quan đến giáo dục bình đẳng giới.

1.5 Cung cấp dịch vụ tư vấn về giáo dục bình đẳng giới cho các trường học, cơ sở giáo dục xã hội thuộc quyền quản lý, đồng thời điều tra và xử lý các vụ việc liên quan đến Luật này.

1.6 Tổ chức bồi dưỡng tại chức cho nhân viên giáo dục và nhân sự liên quan thuộc quyền quản lý.

1.7 Thúc đẩy giáo dục gia đình và giáo dục xã hội về bình đẳng giới tại địa phương.

1.8 Các công việc khác về giáo dục bình đẳng giới tại địa phương.

2. Cơ quan chủ quản của trường quân sự, trường dự bị quân sự, các cấp trường cảnh sát và trường cải huấn thiếu niên phải thành lập Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới, có nhiệm vụ:

2.1 Cung cấp nguồn lực liên quan, hỗ trợ các trường thuộc quyền quản lý triển khai và phát triển giáo dục bình đẳng giới.

2.2 Giám sát, đánh giá việc thực hiện công tác giáo dục bình đẳng giới của các trường thuộc quyền quản lý.

2.3 Thực hiện nhiệm vụ tại điểm 5, điểm 6 Điều 4 và các công việc khác về giáo dục bình đẳng giới của các trường thuộc quyền quản lý.

Điều 6

Trường học phải thành lập Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới, có nhiệm vụ:

1. Tổng hợp nguồn lực của các đơn vị trong trường, xây dựng kế hoạch thực hiện giáo dục bình đẳng giới, triển khai và rà soát kết quả thực hiện.

2. Lập kế hoạch hoặc tổ chức hoạt động giáo dục bình đẳng giới cho học sinh/sinh viên, cán bộ, giáo viên, nhân viên và phụ huynh.

3. Nghiên cứu, phát triển và phổ biến chương trình, giảng dạy và đánh giá về giáo dục bình đẳng giới.

4. Xây dựng quy định thực hiện giáo dục bình đẳng giới và phòng ngừa vụ việc liên quan đến giới trong trường học, thiết lập cơ chế, điều phối và tích hợp các nguồn lực liên quan.

5. Điều tra và xử lý các vụ việc liên quan đến Luật này.

6. Lập kế hoạch và xây dựng không gian khuôn viên trường an toàn, bình đẳng giới.

7. Thúc đẩy giáo dục gia đình và giáo dục xã hội về bình đẳng giới tại cộng đồng.

8. Các công việc khác về giáo dục bình đẳng giới của trường hoặc cộng đồng.

Điều 7

1. Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới của cơ quan trung ương có thẩm quyền có từ 17 đến 23 thành viên theo nhiệm kỳ, Bộ trưởng Bộ Giáo dục làm Chủ nhiệm. Thành viên phải có nhận thức về bình đẳng giới và không được có hành vi vi phạm bình đẳng giới; số thành viên nữ phải chiếm ít nhất một nửa tổng số thành viên. Tổng số chuyên gia, học giả trong lĩnh vực giáo dục bình đẳng giới, đại diện tổ chức dân sự, đại diện sinh viên và người làm thực tiễn phải chiếm ít nhất hai phần ba tổng số thành viên.

2. Ủy ban tại khoản trước phải họp ít nhất ba tháng một lần và phải có nhân sự chuyên trách xử lý công việc liên quan; quy định về tổ chức, cuộc họp, tư cách thành viên, nhiệm kỳ, lý do miễn nhiệm, thủ tục miễn nhiệm và các vấn đề liên quan khác do cơ quan trung ương có thẩm quyền ban hành.

Điều 8

1. Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới của cơ quan có thẩm quyền thành phố trực thuộc trung ương, huyện (thành phố) có từ 9 đến 23 thành viên theo nhiệm kỳ, người đứng đầu thành phố trực thuộc trung ương, huyện (thành phố) làm Chủ nhiệm. Thành viên phải có nhận thức về bình đẳng giới và không được có hành vi vi phạm bình đẳng giới; số thành viên nữ phải chiếm ít nhất một nửa tổng số thành viên. Tổng số chuyên gia, học giả trong lĩnh vực giáo dục bình đẳng giới, đại diện tổ chức dân sự, đại diện sinh viên và người làm thực tiễn phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên.

2. Ủy ban tại khoản trước phải họp ít nhất ba tháng một lần và phải có nhân sự chuyên trách xử lý công việc liên quan; chuẩn mực về tổ chức, cuộc họp, tư cách thành viên, nhiệm kỳ, lý do miễn nhiệm, thủ tục miễn nhiệm và các vấn đề liên quan khác do cơ quan trung ương có thẩm quyền ban hành. Cơ quan thành phố trực thuộc trung ương, huyện (thành phố) phải căn cứ chuẩn mực đó ban hành quy định tự quản liên quan đến Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới của mình.

3. Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới của cơ quan chủ quản trường quân sự, trường dự bị quân sự, các cấp trường cảnh sát và trường cải huấn thiếu niên có từ 9 đến 23 thành viên theo nhiệm kỳ, người đứng đầu cơ quan chủ quản trường làm Chủ nhiệm. Thành viên phải có nhận thức về bình đẳng giới và không được có hành vi vi phạm bình đẳng giới; số thành viên nữ phải chiếm ít nhất một nửa tổng số thành viên; chuyên gia, học giả trong lĩnh vực giáo dục bình đẳng giới phải chiếm ít nhất một nửa

tổng số thành viên.

4. Ủy ban tại khoản trước phải họp ít nhất ba tháng một lần và phải có nhân sự chuyên trách xử lý công việc liên quan; quy định về tổ chức, cuộc họp, tư cách thành viên, nhiệm kỳ, lý do miễn nhiệm, thủ tục miễn nhiệm, các việc có thể ủy quyền cho cơ quan trực thuộc thực hiện và các vấn đề liên quan khác do cơ quan chủ quản trường ban hành.

Điều 9

1. Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới của trường có từ 5 đến 21 thành viên theo nhiệm kỳ, hiệu trưởng làm Chủ nhiệm. Thành viên phải có nhận thức về bình đẳng giới và không được có hành vi vi phạm bình đẳng giới; số thành viên nữ phải chiếm ít nhất một nửa tổng số thành viên. Trường có thể mời đại diện giáo viên, đại diện viên chức/nhân viên, đại diện phụ huynh, đại diện học sinh/sinh viên và chuyên gia, học giả trong lĩnh vực giáo dục bình đẳng giới làm thành viên.
2. Ủy ban tại khoản trước phải họp ít nhất một lần mỗi học kỳ và phải có nhân sự chuyên trách xử lý công việc liên quan; chuẩn mực về tổ chức, cuộc họp, tư cách thành viên, nhiệm kỳ, lý do miễn nhiệm, thủ tục miễn nhiệm và các vấn đề liên quan khác do cơ quan trung ương có thẩm quyền ban hành. Trường phải căn cứ chuẩn mực đó xây dựng quy định liên quan đến Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới của mình.

Điều 10

Cơ quan có thẩm quyền và trường học hằng năm phải tham khảo các phương án thực hiện do Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới tương ứng đề xuất để bố trí ngân sách.

Điều 11

Cơ quan có thẩm quyền phải giám sát, đánh giá các trường học, cơ sở giáo dục xã hội hoặc cơ quan cấp dưới thuộc quyền quản lý trong việc thực hiện công tác giáo dục bình đẳng giới và cung cấp hỗ trợ cần thiết; đơn vị có thành tích tốt phải được khen thưởng, đơn vị có kết quả không tốt phải được chấn chỉnh và hướng dẫn cải thiện.

CHƯƠNG II - MÔI TRƯỜNG VÀ NGUỒN LỰC HỌC TẬP

Điều 12

1. Trường học phải cung cấp môi trường học tập bình đẳng giới, tôn trọng và cân nhắc sự khác biệt về giới, đặc tính giới, bản dạng giới hoặc xu hướng tính dục của học sinh/sinh viên và cán bộ, giáo viên, nhân viên, đồng thời xây dựng khuôn viên trường an toàn.
2. Trường học phải xây dựng quy định thực hiện giáo dục bình đẳng giới và công bố để mọi người biết.

Điều 13

Việc tuyển sinh và cho phép theo học của trường không được phân biệt đối xử dựa trên giới, đặc tính giới, bản dạng giới hoặc xu hướng tính dục. Tuy nhiên, trường, lớp hoặc chương trình được thành lập do truyền thống lịch sử, mục tiêu giáo dục đặc thù hoặc lý do chính đáng khác không xuất phát từ yếu tố giới và đã được cơ quan chủ quản phê duyệt thì không bị giới hạn này.

Điều 14

1. Trường không được vì giới, đặc tính giới, bản dạng giới hoặc xu hướng tính dục của học sinh/sinh viên mà đối xử khác biệt trong giảng dạy, hoạt động, đánh giá, khen thưởng - kỷ luật, phúc lợi và dịch vụ. Tuy nhiên, trường hợp tính chất của nội dung chỉ phù hợp với một giới, đặc tính giới, bản dạng giới hoặc xu hướng tính dục cụ thể thì không bị giới hạn này.
2. Trường phải chủ động hỗ trợ học sinh/sinh viên đang ở tình thế bất lợi do giới, đặc tính giới, bản dạng giới hoặc xu hướng tính dục để cải thiện tình trạng của họ.

Điều 15

Trường phải tích cực bảo vệ quyền được giáo dục của học sinh/sinh viên mang thai và cung cấp hỗ trợ cần thiết.

Điều 16

Nội dung giáo dục bình đẳng giới phải được đưa vào chương trình đào tạo trước khi vào nghề, đào tạo nhân sự mới, bồi dưỡng tại chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý hành chính giáo dục; trong đó, chương trình chuyên môn sư phạm của các đại học đào tạo giáo viên phải có môn học liên quan đến giáo dục bình đẳng giới.

Điều 17

Trong thành phần Ủy ban Đánh giá thành tích, Ủy ban Giải quyết khiếu nại, Ủy ban Thẩm định giáo viên của trường và Ủy ban Giải quyết khiếu nại giáo viên của cơ quan có thẩm quyền, thành viên của bất kỳ một giới nào cũng phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên. Tuy nhiên, nếu số giáo viên của một giới tại trường ít hơn một phần ba tổng số thành viên của Ủy ban Đánh giá thành tích hoặc Ủy ban Thẩm định giáo viên thì không áp dụng giới hạn này đối với hai ủy ban đó.

CHƯƠNG III - CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH VÀ GIẢNG DẠY

Điều 18

1. Việc thiết kế chương trình và hoạt động của trường phải khuyến khích học sinh/sinh viên phát huy tiềm năng và không được đối xử khác biệt vì giới.
2. Trường tiểu học và trung học cơ sở, ngoài việc tích hợp giáo dục bình đẳng giới vào chương trình học, mỗi học kỳ phải thực hiện ít nhất bốn giờ học hoặc hoạt động liên quan đến giáo dục bình đẳng giới.
3. Trường trung học phổ thông và ba năm đầu của chương trình cao đẳng năm năm phải tích hợp giáo dục bình đẳng giới vào chương trình học.
4. Cơ sở giáo dục đại học phải mở rộng các môn học liên quan đến nghiên cứu giới.
5. Trường phải phát triển chương trình và phương thức đánh giá phù hợp với nguyên tắc bình đẳng giới.

Điều 19

Việc biên soạn, thẩm định và lựa chọn giáo trình của trường phải phù hợp với nguyên tắc giáo dục bình đẳng giới; nội dung giáo trình phải phản ánh cân bằng đóng góp lịch sử và kinh nghiệm sống của các giới khác nhau, đồng thời thể hiện quan điểm đa dạng về giới.

Điều 20

1. Khi sử dụng giáo trình và thực hiện hoạt động giáo dục, giáo viên phải có nhận thức về bình đẳng giới, phá bỏ định kiến giới, tránh thành kiến và phân biệt đối xử về giới.
2. Giáo viên phải khuyến khích học sinh/sinh viên học tập các lĩnh vực môn học không theo khuôn mẫu giới truyền thống.

CHƯƠNG IV - PHÒNG NGỪA VÀ XỬ LÝ VỤ VIỆC LIÊN QUAN ĐẾN GIỚI TRONG TRƯỜNG HỌC

Điều 21

1. Để phòng ngừa và xử lý các vụ việc liên quan đến giới trong trường học, cơ quan trung ương có thẩm quyền phải ban hành Chuẩn mực phòng ngừa vụ việc liên quan đến giới trong trường học; nội dung phải bao gồm quy hoạch an toàn trường học, những điều cần lưu ý trong hoạt động và giảng dạy trong/ngoài trường cùng tương tác giữa người với người, các vấn đề đạo đức nghề nghiệp liên quan đến tình dục hoặc giới của hiệu trưởng và cán bộ, giáo viên, nhân viên, việc chủ động báo cáo và tự rút khỏi vụ việc, cơ chế xử lý, trình tự và phương thức cứu xét đối với vụ việc liên quan đến giới trong trường học.
2. Trường phải căn cứ Chuẩn mực tại khoản trước để xây dựng quy định phòng ngừa và công bố để mọi người biết; trường từ trung học phổ thông trở lên phải căn cứ khoản trước xây dựng quy định liên quan hoặc quy tắc đạo đức nghề nghiệp và công bố để mọi người biết.
3. Trường phải tích cực thúc đẩy giáo dục phòng ngừa vụ việc liên quan đến giới trong trường học nhằm nâng cao kiến thức và năng lực của hiệu trưởng, giáo viên, viên chức, nhân viên và học sinh/sinh viên

trong việc tôn trọng quyền tự chủ về tình dục và cơ thể của người khác và của chính mình; hằng năm phải định kỳ tổ chức hoạt động tuyên truyền, giáo dục phòng ngừa vụ việc liên quan đến giới trong trường học và đánh giá hiệu quả thực hiện.

Điều 22

1. Hiệu trưởng, giáo viên, viên chức hoặc nhân viên của trường khi biết tại trường nơi mình phục vụ xảy ra vụ việc nghi là vụ việc liên quan đến giới trong trường học phải lập tức báo cho người có thẩm quyền trong trường theo quy định phòng ngừa của trường; người có thẩm quyền của trường phải xử lý theo các quy định sau và chậm nhất không quá 24 giờ:

1.1 Báo cho cơ quan chủ quản của trường.

1.2 Theo Luật Phòng chống tội phạm xâm hại tình dục, Luật Bảo vệ quyền và phúc lợi trẻ em, thanh thiếu niên, Luật Bảo vệ quyền và lợi ích người khuyết tật và các pháp luật liên quan khác, báo cho cơ quan xã hội có thẩm quyền của thành phố trực thuộc trung ương hoặc huyện (thành phố) tại địa phương.

2. Hiệu trưởng, giáo viên, viên chức hoặc nhân viên của trường không được giả mạo, sửa đổi, tiêu hủy hoặc che giấu chứng cứ về vụ việc liên quan đến giới trong trường học do người khác thực hiện.

3. Khi trường hoặc cơ quan có thẩm quyền xử lý vụ việc liên quan đến giới trong trường học, phải giao vụ việc cho Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới do mình thành lập điều tra và xử lý; không ai được tự lập cơ chế điều tra khác. Điều tra thực hiện trái quy định này không có hiệu lực.

Điều 23

1. Khi điều tra, xử lý vụ việc liên quan đến giới trong trường học, trường hoặc cơ quan có thẩm quyền phải tuân thủ nguyên tắc khách quan, công bằng và chuyên nghiệp, tạo đầy đủ cơ hội cho cả hai bên trình bày ý kiến và biện hộ; tuy nhiên phải tránh hỏi đi hỏi lại nhiều lần.

2. Họ tên hoặc thông tin khác đủ để nhận dạng đương sự và người tố cáo phải được giữ bí mật, trừ trường hợp cần thiết cho điều tra hoặc vì lý do an toàn công cộng.

Điều 24

Trong thời gian điều tra và xử lý vụ việc liên quan đến giới trong trường học, trường hoặc cơ quan có thẩm quyền phải áp dụng biện pháp cần thiết để bảo đảm quyền học tập hoặc quyền làm việc của các bên, đồng thời không được lợi dụng sự chênh lệch về quyền lực và địa vị để có hành vi đối với người bị hại đủ khả năng ảnh hưởng đến quyền học tập, quyền làm việc hoặc việc nộp đơn yêu cầu điều tra của người bị hại.

Điều 25

1. Khi xử lý vụ việc liên quan đến giới trong trường học, trường hoặc cơ quan có thẩm quyền phải thông báo cho đương sự và người đại diện theo pháp luật hoặc người thực tế chăm sóc về các quyền mà họ có thể yêu cầu và các con đường cứu xét; hoặc chuyển đến cơ quan liên quan xử lý. Tùy nhu cầu, phải cung cấp các dịch vụ chuyên môn như tham vấn tâm lý và hỗ trợ; khi cần thiết phải cung cấp biện pháp bảo vệ, hỗ trợ pháp lý, chuyển tiếp đến nguồn lực phúc lợi xã hội hoặc hỗ trợ khác. Nếu người tố cáo có nguy cơ bị xâm hại, cũng phải cung cấp biện pháp bảo vệ hoặc hỗ trợ cần thiết.

2. Việc tham vấn tâm lý và hỗ trợ, biện pháp bảo vệ, hỗ trợ pháp lý hoặc hỗ trợ khác tại khoản trước có thể được trường hoặc cơ quan có thẩm quyền ủy thác cho bác sĩ, nhà tâm lý lâm sàng, nhà tâm lý tham vấn, nhân viên công tác xã hội, luật sư và các chuyên gia khác thực hiện.

3. Nếu học sinh/sinh viên là người bị hại trong vụ xâm hại tình dục, quấy rối tình dục hoặc bắt nạt trên cơ sở giới nhưng vụ việc không thuộc phạm vi áp dụng của Luật này, trường của học sinh/sinh viên đó có thể áp dụng tương tự hai khoản trên.

Điều 26

1. Sau khi trường hoặc cơ quan có thẩm quyền điều tra và xác nhận vụ việc liên quan đến giới trong trường học là có thật, phải tự mình hoặc chuyển người có hành vi đến cơ quan có thẩm quyền khác để xử lý theo pháp luật hoặc quy định liên quan, áp dụng hình thức khiển trách, ghi lỗi, chấm dứt hợp đồng giảng dạy, đình chỉ giảng dạy, không tiếp tục tuyển dụng, miễn nhiệm, chấm dứt quan hệ hợp đồng, chấm dứt sử dụng hoặc hình thức xử lý thích hợp khác.

2. Khi trường, cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan có thẩm quyền khác áp dụng xử lý kỷ luật đối với vụ việc liên quan đến giới trong trường học, phải yêu cầu người có hành vi tiếp nhận tham vấn tâm lý và hỗ trợ, đồng thời có thể yêu cầu thực hiện một hoặc nhiều biện pháp sau. Tuy nhiên, không áp dụng đối với người bị cấm suốt đời không được tuyển dụng, bổ nhiệm, sử dụng hoặc bố trí làm việc:

2.1 Sau khi được người bị hại, người đại diện theo pháp luật hoặc người thực tế chăm sóc đồng ý, xin lỗi người bị hại. Khi người đại diện theo pháp luật hoặc người thực tế chăm sóc đồng ý, phải ưu tiên lợi ích tốt nhất của trẻ em và thanh thiếu niên, đồng thời cân nhắc ý kiến của các em theo mức độ trưởng thành về tâm lý.

2.2 Tham gia tám giờ học liên quan đến giáo dục bình đẳng giới.

2.3 Các biện pháp khác phù hợp với mục đích giáo dục.

3. Việc tham vấn tâm lý và hỗ trợ tại khoản trước có thể được trường hoặc cơ quan có thẩm quyền ủy thác cho bác sĩ, nhà tâm lý lâm sàng, nhà tâm lý tham vấn, nhân viên công tác xã hội và các chuyên gia khác thực hiện.

4. Nếu hành vi quấy rối tình dục, bắt nạt trên cơ sở giới hoặc hành vi hiệu trưởng/cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm đạo đức nghề nghiệp liên quan đến tình dục hoặc giới có tình tiết nhẹ, trường, cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan có thẩm quyền khác có thể chỉ áp dụng các biện pháp cần thiết theo khoản 2.

5. Nếu xử lý kỷ luật tại khoản 1 dẫn đến thay đổi thân phận của người có hành vi, phải cho người đó cơ hội trình bày ý kiến bằng văn bản.

6. Các biện pháp tại khoản 2 do trường hoặc cơ quan có thẩm quyền đã áp dụng kỷ luật tổ chức thực hiện; khi thực hiện phải áp dụng biện pháp cần thiết để bảo đảm người có hành vi phối hợp và tuân thủ.

7. Đối với biện pháp tại điểm 1 khoản 2, nếu cả hai bên đều là học sinh/sinh viên, trường có thể vận dụng công lý phục hồi hoặc chiến lược tư vấn khác để thúc đẩy việc khôi phục mối quan hệ.

Điều 27

Trong quá trình điều tra vụ việc liên quan đến giới trong trường học, trường hoặc cơ quan có thẩm quyền có thể tùy tình hình giải thích các vấn đề liên quan, phương thức và nguyên tắc xử lý; sau khi xử lý xong vụ việc, nếu được người bị hại, người đại diện theo pháp luật hoặc người thực tế chăm sóc đồng ý, có thể công bố việc vụ việc có xảy ra hay không, hình thức vụ việc và phương thức xử lý. Tuy nhiên, không được công khai họ tên đương sự hoặc thông tin khác đủ để nhận dạng họ.

Điều 28

1. Trường hoặc cơ quan có thẩm quyền phải lập hồ sơ dữ liệu về vụ việc liên quan đến giới trong trường học.

2. Nếu người có hành vi là học sinh/sinh viên và chuyển sang trường khác học, khi cơ quan có thẩm quyền và trường cũ cho rằng cần theo dõi, hỗ trợ, phải trong vòng một tháng kể từ khi biết việc chuyển trường, thông báo cho trường mà người đó tiếp tục theo học.

3. Nếu người có hành vi không phải học sinh/sinh viên và chuyển sang phục vụ tại trường khác, cơ quan có thẩm quyền và trường cũ phải theo dõi, hỗ trợ và thông báo cho trường nơi người đó tiếp tục phục vụ.

4. Trường nhận được thông báo theo hai khoản trước phải thực hiện theo dõi, hỗ trợ cần thiết đối với người có hành vi; nếu không có lý do chính đáng thì không được công khai họ tên hoặc thông tin khác đủ để nhận dạng người đó.

5. Việc lập, lưu giữ, thời hạn lưu giữ, tiêu hủy, sử dụng dữ liệu hồ sơ tại khoản 1, việc thông báo tại khoản 2 và khoản 3 cùng các vấn đề liên quan khác được quy định trong Chuẩn mực phòng ngừa ban hành theo khoản 1 Điều 21.

Điều 29

1. Nếu nhân sự giáo dục được trường tuyển dụng/bổ nhiệm hoặc nhân sự khác được trường tiếp nhận/sử dụng, sau khi Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới của trường hoặc ủy ban liên quan được thành lập hợp pháp điều tra và xác nhận thuộc một trong các trường hợp sau, trường phải chấm dứt hợp đồng giảng dạy, miễn nhiệm, chấm dứt quan hệ hợp đồng hoặc chấm dứt sử dụng:

1.1 Có hành vi xâm hại tình dục; hoặc có hành vi quấy rối tình dục, bắt nạt trên cơ sở giới, hay hành vi hiệu trưởng/cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm đạo đức nghề nghiệp liên quan đến tình dục hoặc giới mà cần cấm suốt đời không được tuyển dụng, bổ nhiệm, tiếp nhận hoặc sử dụng.

1.2 Có hành vi quấy rối tình dục, bắt nạt trên cơ sở giới, hoặc hành vi hiệu trưởng/cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm đạo đức nghề nghiệp liên quan đến tình dục hoặc giới và cần chấm dứt hợp đồng giảng dạy, miễn nhiệm, chấm dứt quan hệ hợp đồng hoặc chấm dứt sử dụng; đồng thời sau khi xem xét tình tiết vụ việc, quyết nghị cấm tuyển dụng, bổ nhiệm, tiếp nhận hoặc sử dụng trong thời hạn từ một đến bốn năm.

2. Người thuộc điểm 1 khoản trước không được bất kỳ trường nào tuyển dụng, bổ nhiệm, tiếp nhận hoặc sử dụng; nếu đã được tuyển dụng, bổ nhiệm, tiếp nhận hoặc sử dụng thì trường phải chấm dứt hợp đồng giảng dạy, miễn nhiệm, chấm dứt quan hệ hợp đồng hoặc chấm dứt sử dụng. Người thuộc điểm 2 khoản trước cũng áp dụng tương tự trong thời gian từ một đến bốn năm theo quyết nghị.

3. Đối với người không thuộc trường hợp phải xử lý theo khoản 1, nếu có hành vi xâm hại tình dục; hoặc có hành vi quấy rối tình dục, bắt nạt trên cơ sở giới, vi phạm đạo đức nghề nghiệp liên quan đến tình dục hoặc giới của hiệu trưởng/cán bộ, giáo viên, nhân viên, vi phạm Luật Phòng chống mại dâm trẻ em và thanh thiếu niên hoặc Luật Phòng chống bóc lột tình dục trẻ em và thanh thiếu niên mà cần cấm suốt đời không được tuyển dụng, bổ nhiệm, tiếp nhận hoặc sử dụng, sau khi Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới của trường xác minh là có thật thì không được tuyển dụng, bổ nhiệm, tiếp nhận hoặc sử dụng; nếu đã được tuyển dụng, bổ nhiệm, tiếp nhận hoặc sử dụng thì trường phải chấm dứt hợp đồng giảng dạy, miễn nhiệm, chấm dứt quan hệ hợp đồng hoặc chấm dứt sử dụng. Nếu hành vi nêu trên không đến mức phải cấm suốt đời, nhưng Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới của trường xác minh là có thật và quyết nghị cấm tuyển dụng, bổ nhiệm, tiếp nhận hoặc sử dụng trong thời hạn từ một đến bốn năm thì trong thời hạn đó cũng áp dụng tương tự.

Điều 30

1. Đối với các trường hợp tại các khoản của Điều trước, cơ quan có thẩm quyền và trường phải thực hiện thông báo, thu thập thông tin và tra cứu.

2. Trước khi tuyển dụng/bổ nhiệm nhân sự giáo dục hoặc tiếp nhận/sử dụng nhân sự khác, trường phải theo Luật Phòng chống tội phạm xâm hại tình dục tra cứu xem người đó có tiền án về xâm hại tình dục hay không; đồng thời theo quy định tại khoản 4 tra cứu xem người đó từng có hành vi xâm hại tình dục, quấy rối tình dục, bắt nạt trên cơ sở giới, vi phạm đạo đức nghề nghiệp liên quan đến tình dục hoặc giới của hiệu trưởng/cán bộ, giáo viên, nhân viên, vi phạm Luật Phòng chống mại dâm trẻ em và thanh thiếu niên hoặc Luật Phòng chống bóc lột tình dục trẻ em và thanh thiếu niên hay không. Đối với người đã được tuyển dụng, bổ nhiệm, tiếp nhận hoặc sử dụng, phải định kỳ tra cứu.

3. Khi hỗ trợ trường thực hiện tra cứu theo khoản trước, cơ quan có thẩm quyền có thể sử dụng dữ liệu về người bị xử phạt hành chính do cơ quan phúc lợi xã hội trung ương thiết lập theo Luật Phòng chống bóc lột tình dục trẻ em và thanh thiếu niên hoặc Điều 27 Luật Phòng chống quấy rối tình dục, cũng như dữ liệu về vụ việc phòng chống quấy rối tình dục do cơ quan lao động trung ương thiết lập theo Luật Bình đẳng giới trong việc làm.

4. Quy định về thông báo, thu thập, tra cứu, xử lý và sử dụng thông tin tại ba khoản trước cùng các vấn đề liên quan khác do cơ quan trung ương có thẩm quyền ban hành.

5. Đối với người thuộc các khoản của Điều trước mà thuộc phạm vi áp dụng của Luật Giáo viên, Luật Bổ nhiệm nhân sự giáo dục, pháp luật về công chức hoặc pháp luật về quân đội, việc chấm dứt hợp đồng giảng dạy, đình chỉ giảng dạy, miễn nhiệm, cách chức, đình chỉ công tác hoặc cho xuất ngũ thực hiện theo các luật đó và đồng thời áp dụng bốn khoản trên; nếu chưa bị chấm dứt hợp đồng, miễn nhiệm, cách chức hoặc xuất ngũ thì phải điều chuyển khỏi vị trí hiện tại tại trường.

6. Đối với nhân sự ngoài khoản trước có liên quan đến trường hợp tại khoản 1 hoặc khoản 3 Điều trước, trong thời gian điều tra, trường hoặc cơ quan có thẩm quyền phải sau khi Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới quyết nghị, ra quyết định tạm đình chỉ công tác. Khi nguyên nhân đình chỉ không còn và người đó được phục chức, tiền lương chưa được chi trả phải được truy trả theo quy định liên quan.

CHƯƠNG V - YÊU CẦU ĐIỀU TRA VÀ CỨU XÉT

Điều 31

1. Người bị hại trong vụ việc liên quan đến giới trong trường học, người đại diện theo pháp luật hoặc người thực tế chăm sóc có thể bằng văn bản yêu cầu trường nơi người có hành vi trực thuộc tiến hành điều tra. Tuy nhiên, nếu người có hành vi hiện là hoặc từng là hiệu trưởng của trường thì phải nộp đơn yêu cầu điều tra lên cơ quan chủ quản của trường.

2. Bất kỳ ai biết vụ việc tại khoản trước đều có thể tố cáo tới trường hoặc cơ quan có thẩm quyền theo trình tự quy định.

3. Trường và cơ quan có thẩm quyền không được vì người bị hại hoặc bất kỳ ai yêu cầu điều tra, tố cáo hoặc hỗ trợ người khác yêu cầu điều tra/tố cáo mà áp dụng biện pháp hay xử lý bất lợi.

Điều 32

1. Khi nhận được đơn yêu cầu điều tra hoặc tố cáo, trường hoặc cơ quan có thẩm quyền phải trong vòng 20 ngày thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu, người bị hại hoặc người tố cáo về việc có thụ lý hay không.

2. Trường hoặc cơ quan có thẩm quyền không thụ lý đơn yêu cầu điều tra hoặc tố cáo nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

2.1 Không thuộc vấn đề được quy định trong Luật này.

2.2 Người yêu cầu hoặc người tố cáo không nêu họ tên thật.

2.3 Cùng một vụ việc đã được xử lý xong.

3. Văn bản thông báo không thụ lý theo khoản trước phải nêu rõ lý do.

4. Nếu người yêu cầu, người bị hại hoặc người tố cáo không nhận được thông báo trong thời hạn tại khoản 1, hoặc trong vòng 20 ngày kể từ ngày tiếp theo sau khi nhận được thông báo không thụ lý, có thể bằng văn bản nêu rõ lý do để yêu cầu trường hoặc cơ quan có thẩm quyền xem xét lại.

Điều 33

1. Sau khi nhận được đơn yêu cầu hoặc tố cáo theo khoản 1 Điều trước, trừ trường hợp thuộc khoản 2 Điều trước, trường hoặc cơ quan có thẩm quyền phải trong vòng ba ngày giao cho Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới do mình thành lập điều tra và xử lý.

2. Khi xử lý vụ việc tại khoản trước, Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới của trường hoặc cơ quan có thẩm quyền có thể thành lập tổ điều tra; khi cần thiết, một phần hoặc toàn bộ thành viên tổ điều tra có thể được mời từ bên ngoài. Tuy nhiên, nếu người có hành vi là hiệu trưởng, giáo viên, viên chức hoặc nhân viên, phải thành lập tổ điều tra và toàn bộ thành viên phải là người bên ngoài. Đối với trường hợp trước khi bản sửa đổi ngày 30/12/2018 của Luật này có hiệu lực mà tổ điều tra có toàn bộ thành viên là người bên ngoài, thành phần và báo cáo điều tra đã hoàn thành đều được xem là hợp pháp.

3. Thành viên tổ điều tra phải có nhận thức về bình đẳng giới; số thành viên nữ không được ít hơn một nửa tổng số thành viên. Trong số thành viên, chuyên gia/học giả có năng lực chuyên môn điều tra vụ việc liên quan đến giới trong trường học phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên nếu là tổ điều tra của trường, và ít nhất một nửa nếu là tổ điều tra của cơ quan có thẩm quyền. Điều kiện thành viên do cơ quan trung ương có thẩm quyền quy định riêng.

4. Nếu các bên trong vụ việc liên quan đến giới trong trường học thuộc các trường khác nhau, tổ điều tra tại khoản trước phải có đại diện của trường nơi người bị hại hiện đang theo học. Tuy nhiên, nếu người bị hại, người đại diện theo pháp luật hoặc người thực tế chăm sóc yêu cầu không thông báo cho trường hiện tại của người bị hại và Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới xác định không cần thiết phải thông báo thì không áp dụng quy định này.

5. Khi Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới hoặc tổ điều tra tiến hành điều tra theo Luật này, người có hành vi, người yêu cầu và người/đơn vị được mời hỗ trợ điều tra phải phối hợp và cung cấp dữ liệu liên quan, không được né tránh, cản trở hoặc từ chối.

6. Các quy định của Luật Thủ tục Hành chính về thẩm quyền, chuyển hồ sơ, hồi tỵ, tống đạt, bổ sung/sửa chữa và các vấn đề liên quan được áp dụng hoặc áp dụng tương tự trong Luật này.

Điều 34

1. Việc điều tra, xử lý của Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới không bị ảnh hưởng bởi việc vụ việc đang được xử lý theo thủ tục tư pháp.
2. Khi điều tra, xử lý, Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới phải cân nhắc sự chênh lệch quyền lực giữa hai bên.
3. Nếu điều tra phát hiện người có hành vi có khả năng từng xảy ra vụ việc nghi là vụ việc liên quan đến giới trong trường học tại các trường khác, phải căn cứ thời gian, hình thức của hành vi nghi ngờ và các yếu tố liên quan để thông báo cho trường hiện đang công tác và các trường từng phục vụ của người đó phối hợp tiến hành rà soát tổng thể; trường nhận được thông báo không được từ chối.
4. Nếu điều tra phát hiện cùng một người có hành vi đối với nhiều người bị hại khác nhau có khả năng xảy ra vụ việc nghi là vụ việc liên quan đến giới trong trường học, có thể gộp các vụ việc để điều tra.

Điều 35

1. Khi hiệu trưởng trường có liên quan đến vụ việc liên quan đến giới trong trường học và Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới của cơ quan chủ quản trường nhận định tình tiết nghiêm trọng, cần điều chỉnh hoặc đình chỉ chức vụ trước trong thời gian điều tra, cơ quan chủ quản trường có thể điều chỉnh hoặc đình chỉ chức vụ của hiệu trưởng. Tuy nhiên, nếu hiệu trưởng là quân nhân thì xử lý theo Luật Bổ nhiệm sĩ quan, hạ sĩ quan Lục - Hải - Không quân và quy định liên quan.
2. Người bị đình chỉ theo khoản trước, nếu kết quả điều tra không xác định hành vi bị cáo buộc là có thật, hoặc xác định là có thật nhưng không bị đình chỉ, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng giảng dạy, đình chỉ giảng dạy hoặc không tiếp tục tuyển dụng theo pháp luật về công chức, nhân sự giáo dục hoặc pháp luật liên quan khác, có thể theo Luật này hoặc luật khác xin phục chức và được truy lĩnh lương cơ bản, lương thâm niên hoặc khoản tương đương trong thời gian bị đình chỉ.
3. Khi trường và cơ quan có thẩm quyền biết hiệu trưởng, cán bộ/giáo viên được trường tuyển dụng hoặc bổ nhiệm, công chức hoặc quân nhân có liên quan đến vụ việc liên quan đến giới trong trường học và đang trong thời gian xử lý đình chỉ giảng dạy, chấm dứt hợp đồng, không tiếp tục tuyển dụng, chuyển xử lý kỷ luật, chuyển Viện Giám sát xem xét, đình chỉ công tác hoặc miễn nhiệm theo pháp luật, thì không được thụ lý đơn xin nghỉ hưu/xuất ngũ hoặc thôi việc của người đó.

Điều 36

1. Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới của trường hoặc cơ quan có thẩm quyền phải hoàn thành điều tra trong vòng hai tháng kể từ khi thụ lý đơn yêu cầu hoặc tố cáo. Khi cần thiết có thể gia hạn, nhưng tối đa hai lần, mỗi lần không quá một tháng, đồng thời phải thông báo cho người yêu cầu, người bị hại, người tố cáo và người có hành vi.
2. Sau khi hoàn thành điều tra, Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới phải lập báo cáo điều tra và kiến nghị xử lý bằng văn bản, trình trường hoặc cơ quan có thẩm quyền mà Ủy ban trực thuộc.
3. Trong vòng hai tháng kể từ khi nhận được báo cáo điều tra tại khoản trước, trường hoặc cơ quan có thẩm quyền phải tự mình hoặc chuyển đến cơ quan có thẩm quyền liên quan xử lý theo Luật này hoặc các pháp luật/quy định có liên quan; đồng thời phải bằng văn bản nêu rõ sự việc và lý do để thông báo kết quả xử lý cho người yêu cầu, người bị hại, người tố cáo và người có hành vi.
4. Trước khi xử lý theo khoản trước, trường hoặc cơ quan có thẩm quyền có thể yêu cầu đại diện Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới tham dự để giải trình.

Điều 37

1. Người yêu cầu, người bị hại và người có hành vi nếu không đồng ý với kết quả xử lý tại khoản 3 Điều trước, có thể trong vòng 30 ngày kể từ ngày tiếp theo sau khi nhận được thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do bằng văn bản để yêu cầu trường hoặc cơ quan có thẩm quyền xem xét lại. Tuy nhiên, nếu người có hành vi là hiệu trưởng, giáo viên, viên chức hoặc nhân viên, người yêu cầu hoặc người bị hại có thể trực tiếp yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xem xét lại.
2. Việc yêu cầu xem xét lại theo khoản trước chỉ được thực hiện một lần.
3. Nếu qua xem xét lại, trường hoặc cơ quan có thẩm quyền phát hiện thủ tục điều tra có sai sót nghiêm trọng hoặc có sự kiện/chứng cứ mới đủ ảnh hưởng đến nhận định điều tra ban đầu, có thể yêu cầu Ủy

ban Giáo dục Bình đẳng giới điều tra lại; nếu thuộc trường hợp trực tiếp yêu cầu cơ quan có thẩm quyền theo phần ngoại lệ của khoản 1, phải hoàn thành điều tra trong thời hạn 40 ngày.

4. Nếu qua xem xét lại theo phần ngoại lệ của khoản 1, cơ quan có thẩm quyền phát hiện kết quả xử lý của trường là trái pháp luật hoặc không phù hợp, khi cần thiết có thể căn cứ kiến nghị xử lý của Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới do mình thành lập để trực tiếp sửa đổi kết quả xử lý của trường, hoặc nêu rõ lý do trả lại trường để xử lý theo pháp luật, đồng thời truy cứu trách nhiệm của người liên quan.

Điều 38

Khi Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới nhận được yêu cầu của trường hoặc cơ quan có thẩm quyền về việc điều tra lại theo Điều trước, phải thành lập tổ điều tra khác; trình tự điều tra, xử lý thực hiện theo các quy định liên quan của Luật này.

Điều 39

1. Người yêu cầu, người bị hại hoặc người có hành vi nếu không đồng ý với kết quả xem xét lại của trường hoặc cơ quan có thẩm quyền, có thể trong vòng 30 ngày kể từ ngày tiếp theo sau khi nhận được thông báo bằng văn bản, thực hiện cứu xét theo các quy định sau; nếu pháp luật có quy định khác thì thực hiện theo quy định đó:

1.1 Hiệu trưởng, giáo viên của trường: theo Luật Giáo viên hoặc quy định pháp luật liên quan.

1.2 Viên chức trường công được bổ nhiệm theo Luật Bổ nhiệm Công chức và viên chức chưa được đưa vào hệ thống bổ nhiệm trước khi Luật Bổ nhiệm nhân sự giáo dục có hiệu lực ngày 03/05/1985: theo Luật Bảo đảm quyền lợi công chức.

1.3 Học sinh/sinh viên của trường: nộp khiếu nại đến trường theo quy định.

2. Việc cứu xét tại khoản trước chỉ được thực hiện sau khi đã có quyết định xem xét lại.

Điều 40

1. Khi trường điều tra, xử lý vụ việc liên quan đến giới trong trường học, cơ quan chủ quản trường phải cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ hướng dẫn, giám sát tính hợp pháp hoặc yêu cầu chấn chỉnh đối với trường.

2. Nếu cơ quan chủ quản trường nhận thấy Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới của trường không họp theo pháp luật, đã họp nhưng không thẩm nghị vấn đề cần thẩm nghị, điều tra có sai sót về thủ tục hoặc nội dung, hoặc kết quả điều tra/xử lý có nghi vấn về tính hợp pháp, nếu phát hiện trước khi thủ tục xem xét lại của trường hoàn tất thì phải nêu rõ lý do, thông báo cho trường xử lý gộp trong thủ tục xem xét lại; nếu không kịp xử lý gộp trong thủ tục đó hoặc hết thời hạn xem xét lại mà không có yêu cầu xem xét lại, phải nêu rõ lý do và ấn định thời hạn trả lại cho Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới của trường thẩm nghị.

3. Sau khi cơ quan có thẩm quyền trả lại cho Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới của trường thẩm nghị theo khoản trước, nếu Ủy ban không thẩm nghị đúng pháp luật trong thời hạn hoặc kết quả thẩm nghị vẫn có nguy cơ trái pháp luật hay không phù hợp, cơ quan có thẩm quyền có thể nêu rõ lý do và trực tiếp trình Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới của mình thẩm nghị; nghị quyết của Ủy ban này được xem là nghị quyết của Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới của trường.

4. Đối với trường thuộc trường hợp khoản trước, nếu cơ quan có thẩm quyền qua thẩm nghị xác định có sai phạm, phải đưa kết quả vào căn cứ đánh giá trường, cắt giảm khoản thưởng/trợ cấp hoặc đánh giá hành chính, đồng thời truy cứu trách nhiệm của người liên quan.

Điều 41

1. Khi xác định sự thật của vụ việc liên quan đến Luật này, trường và cơ quan có thẩm quyền phải căn cứ báo cáo điều tra của Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới do mình thành lập.

2. Khi xác định sự thật theo khoản trước, tòa án phải xem xét báo cáo điều tra của Ủy ban Giáo dục Bình đẳng giới các cấp.

Điều 42

1. Nếu người có hành vi trong vụ việc liên quan đến giới trong trường học là hiệu trưởng, giáo viên, viên chức hoặc nhân viên của trường và học sinh/sinh viên bị thiệt hại do vụ việc đó, người có hành vi phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

2. Trong trường hợp khoản trước, dù thiệt hại không phải tài sản, người bị hại vẫn có thể yêu cầu bồi thường một khoản tiền tương xứng; nếu danh dự bị xâm hại, có thể yêu cầu biện pháp thích hợp để khôi phục danh dự.

3. Đối với trách nhiệm bồi thường theo hai khoản trước, theo yêu cầu của người bị hại, tòa án có thể căn cứ mức độ xâm hại quyết định khoản bồi thường mang tính trừng phạt từ một đến ba lần số tiền thiệt hại; nếu người có hành vi là hiệu trưởng thì có thể quyết định từ ba đến năm lần số tiền thiệt hại.

CHƯƠNG VI - XỬ PHẠT

Điều 43

1. Hiệu trưởng, giáo viên, viên chức hoặc nhân viên của trường thuộc một trong các trường hợp sau bị phạt tiền từ 30.000 đến 150.000 Đài tệ:

1.1 Không có lý do chính đáng mà vi phạm khoản 1 Điều 22, không báo cáo cho người có thẩm quyền của trường hoặc cơ quan chủ quản trường trong vòng 24 giờ.

1.2 Vi phạm khoản 2 Điều 22, giả mạo, sửa đổi, tiêu hủy hoặc che giấu chứng cứ về vụ quấy rối tình dục, bắt nạt trên cơ sở giới hoặc vụ hiệu trưởng/cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm đạo đức nghề nghiệp liên quan đến tình dục hoặc giới do người khác thực hiện.

2. Trường vi phạm khoản 3 Điều 22, khoản 2 Điều 23, phần sau Điều 24, phần ngoại lệ Điều 27, khoản 4 Điều 28 hoặc khoản 3 Điều 31 bị phạt tiền từ 10.000 đến 150.000 Đài tệ; nhân sự khác vi phạm cũng bị xử phạt tương tự.

3. Trường vi phạm Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 17 hoặc khoản 2 Điều 21 bị phạt tiền từ 10.000 đến 100.000 Đài tệ.

4. Người có hành vi không có lý do chính đáng mà vi phạm khoản 6 Điều 26, không phối hợp thực hiện biện pháp tại phần mở đầu, điểm 2, điểm 3 khoản 2 Điều 26; hoặc vi phạm khoản 5 Điều 33, không phối hợp điều tra, thì trường phải báo cơ quan có thẩm quyền để phạt tiền từ 10.000 đến 50.000 Đài tệ và có thể phạt nhiều lần cho đến khi người đó phối hợp hoặc cung cấp dữ liệu liên quan. Tuy nhiên, nếu người có hành vi là hiệu trưởng thì cơ quan có thẩm quyền trực tiếp xử phạt.

5. Nếu hiệu trưởng trường hoặc thành viên hội đồng quản trị của pháp nhân trường học không thực hiện đầy đủ chức trách, khiến trường không thực hiện theo khoản 1, phần mở đầu, điểm 2, điểm 3 khoản 2 hoặc khoản 6 Điều 26 việc xử lý/kỷ luật đối với người có hành vi ngoài biện pháp tại điểm 1 khoản 2 Điều 26, hoặc không áp dụng biện pháp cần thiết để bảo đảm người có hành vi phối hợp tuân thủ, thì hiệu trưởng hoặc thành viên hội đồng quản trị bị phạt tiền từ 10.000 đến 50.000 Đài tệ.

Điều 44

1. Hiệu trưởng, giáo viên, viên chức hoặc nhân viên của trường vi phạm nghĩa vụ báo cáo vụ việc nghi là xâm hại tình dục trong trường học theo khoản 1 Điều 22, dẫn đến tiếp tục xảy ra vụ xâm hại tình dục trong trường học; hoặc giả mạo, sửa đổi, tiêu hủy hay che giấu chứng cứ về vụ xâm hại tình dục trong trường học do người khác thực hiện, sau khi trường hoặc cơ quan liên quan xác minh là có thật, phải bị chấm dứt hợp đồng giảng dạy, miễn nhiệm, chấm dứt quan hệ hợp đồng hoặc chấm dứt sử dụng theo pháp luật.

2. Hiệu trưởng, giáo viên, viên chức hoặc nhân viên của trường giả mạo, sửa đổi, tiêu hủy hoặc che giấu chứng cứ về vụ quấy rối tình dục, bắt nạt trên cơ sở giới, hoặc vụ hiệu trưởng/cán bộ, giáo viên, nhân viên vi phạm đạo đức nghề nghiệp liên quan đến tình dục hoặc giới do người khác thực hiện, sau khi trường hoặc cơ quan liên quan xác minh là có thật và cần chấm dứt hợp đồng giảng dạy, miễn nhiệm, chấm dứt quan hệ hợp đồng hoặc chấm dứt sử dụng, phải xử lý theo pháp luật liên quan.

3. Trường hoặc cơ quan có thẩm quyền phải tố giác theo pháp luật đối với người vi phạm hai khoản trên.

CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN BỔ SUNG

Điều 45

Điều 10, Điều 25 và Điều 26 của Luật Phòng chống quấy rối tình dục được áp dụng đối với các vụ việc liên quan đến giới trong trường học theo Luật này.

Điều 46

Đối với vụ việc liên quan đến giới trong trường học đã được thụ lý nhưng chưa kết thúc trước khi các điều khoản sửa đổi ngày 28/07/2023 của Luật này có hiệu lực, cũng như vụ việc đã xảy ra trước thời điểm sửa đổi có hiệu lực nhưng được thụ lý sau đó, đều áp dụng quy định sau sửa đổi để xử lý đến khi kết thúc. Tuy nhiên, thủ tục đã được thực hiện trước đó vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Điều 47

Quy tắc thi hành Luật này do cơ quan trung ương có thẩm quyền ban hành.

Điều 48

Luật này có hiệu lực từ ngày công bố, trừ khoản 2 Điều 2; điểm 2 Điều 3 và tiểu mục 4 của điểm 3 Điều 3; khoản 2 Điều 5; Điều 7 đến Điều 9; Điều 21; Điều 29; Điều 30; phần ngoại lệ đầu khoản 2 Điều 33; khoản 3 Điều 33; Điều 37; Điều 40; và Điều 44 có hiệu lực từ ngày 08/03/2024.